



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
ĐỒ HOẠ ĐA PHƯƠNG TIỆN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 86 - 254/CSG ngày 11 tháng 10 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sài Gòn)

Tên ngành, nghề:	Đồ họa đa phương tiện
Mã ngành, nghề:	6480108
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng
Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
Thời gian khóa học:	2 năm

1. Giới thiệu chương trình Đồ họa đa phương tiện

Chương trình Cao đẳng Đồ họa đa phương tiện trang bị cho sinh viên nền tảng kiến thức và kỹ năng chuyên môn trong lĩnh vực thiết kế và sản xuất nội dung số. Sinh viên được đào tạo sử dụng thành thạo các phần mềm, công cụ đồ họa hiện đại để phát triển sản phẩm đồ họa động, thiết kế hình ảnh, cũng như thực hiện quay dựng và biên tập video. Đồng thời, chương trình khuyến khích khả năng sáng tạo, tư duy thẩm mỹ và phát triển ý tưởng trong môi trường truyền thông đa nền tảng.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1 Mục tiêu chung

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể sử dụng thành thạo các công cụ, phần mềm hỗ trợ phát triển sản phẩm đồ họa động; có thể sáng tạo nội dung đồ họa động; biên tập, quay và chỉnh sửa video và hình ảnh.

Chương trình đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp và sức khỏe tốt; có kiến thức từ cơ bản đến nâng cao trong lĩnh vực Đồ họa đa phương tiện, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và sự phát triển của xã hội. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng phân tích, đánh giá và vận dụng kiến thức chuyên ngành vào thực tiễn; có khả năng sáng tạo nội dung, làm việc độc lập và theo nhóm; đồng thời thích ứng với môi trường làm việc năng động trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể sử dụng thành thạo các phần mềm thiết kế và dựng phim; sáng tạo sản phẩm đồ họa động; thực hiện quay, dựng và chỉnh sửa hình ảnh, video phục vụ cho các lĩnh vực truyền thông, quảng cáo và giải trí.

2.2 Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo nguồn nhân lực:

- Trang bị khả năng hiểu và vận dụng các nguyên lý thiết kế đồ họa như màu sắc, bố cục, hình ảnh và typography trong xây dựng sản phẩm truyền thông đa phương tiện.
- Phát triển năng lực phân tích thị trường, xác định đối tượng mục tiêu và mục tiêu truyền thông nhằm đề xuất giải pháp thiết kế sáng tạo, phù hợp với yêu cầu thực tiễn.
- Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin và các phần mềm chuyên ngành như: Adobe Photoshop, Illustrator, InDesign, Premiere, After Effects, Blender... trong thiết kế và sản xuất nội dung số.
- Thực hiện đầy đủ quy trình sản xuất sản phẩm đồ họa đa phương tiện từ hình thành ý tưởng (concept), phác thảo (sketch), thiết kế thử nghiệm (mockup) đến hoàn thiện và triển khai sản phẩm.
- Đạt trình độ ngoại ngữ bậc 2/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam, đáp ứng yêu cầu học tập và làm việc trong môi trường hội nhập.
- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm, ý thức kỷ luật và thái độ làm việc chuyên nghiệp, hướng đến giá trị cộng đồng.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp sinh viên có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Graphic Design



- Video Editor,
- Visual Content Creator,
- Chuyên viên truyền thông đa phương tiện
- Lộ trình thăng tiến: Junior Graphic > Senior Graphic > Art Director
- Freelancer hoặc start up trong lĩnh vực về sáng tạo.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 87 tín chỉ, 2445 giờ
- Số lượng môn học: 27
- Khối lượng học tập các môn học chung: 19 tín chỉ, 435 giờ
- Khối lượng học tập các môn học chuyên môn: 68 tín chỉ, 2010 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 682 giờ; Thực hành, thực tập: 1692 giờ, Kiểm tra: 71 giờ

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

STT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (Năng lực chung)	
1	NLCB-01	Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định
2	NLCB-02	Chấp hành tốt các quy định pháp luật, chính sách của Nhà nước, không gây ảnh hưởng phương hại đến bí mật, lợi ích và an ninh quốc gia
3	NLCB-03	Biết cách sử dụng hệ điều hành máy tính và sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản
4	NLCB-04	Am hiểu và vận dụng năng lực ngoại ngữ để tra cứu tài liệu chuyên ngành, cập nhật xu hướng thiết kế toàn cầu, giao tiếp và phối hợp hiệu quả trong môi trường làm việc quốc tế
5	NLCB-05	Vận dụng tốt các kỹ năng mềm cần thiết để giải quyết các vấn đề trong giao tiếp, có kỹ năng thích ứng với yêu cầu của công việc và của thị trường lao động
II	Năng lực cốt lõi (Năng lực chuyên môn)	
5	NLCL-01	Trình bày và vận dụng các nguyên tắc thiết kế trong sản xuất và chỉnh sửa nội dung hình ảnh, âm thanh, video và hoạt hình (animation).
6	NLCL-02	Hiểu và áp dụng hiệu quả các nguyên lý thiết kế (bố cục, màu sắc, chuyển động, nhịp điệu hình ảnh) vào xây dựng sản phẩm đa phương tiện.
7	NLCL-03	Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; đồng thời khai thác, xử lý và ứng dụng vào quy trình sản xuất nội dung video, animation và 3D.
8	NLCL-04	Sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên ngành như: Photoshop, Illustrator, Premiere, CapCut, After Effects, cùng các công cụ xử lý âm thanh và dựng hình 3D.
9	NLCL-05	Vận dụng các nguyên tắc thiết kế hình ảnh, phối màu, bố cục và typography trong xây dựng sản phẩm đồ họa động, video tương tác và nội dung số.
10	NLCL-06	Có kỹ năng giao tiếp, tiếp nhận và phân tích yêu cầu (brief), từ đó phát triển ý tưởng và kịch bản (concept/storyboard) phù hợp với khách hàng.
11	NLCL-07	Có khả năng sáng tạo và phát triển nội dung đa phương tiện (video, animation, 3D) linh hoạt, đáp ứng yêu cầu truyền thông và thị trường.
12	NLCL-08	Thành thạo kỹ thuật ghi hình, ghi âm, dựng phim và hậu kỳ (post-production) cho video và animation.
13	NLCL-09	Hiểu và vận dụng các kỹ thuật dựng hình, diễn hoạt (animation), ánh sáng, vật liệu và kết xuất (render) trong môi trường đồ họa 3D.
III	Năng lực nâng cao	
13	NLNC-01	Biết đánh giá chất lượng công việc của bản thân sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm; giải quyết được các công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

14	NLNC-02	Trình bày được các phương thức sắp xếp, các công cụ hỗ trợ sắp xếp bố cục trong thiết kế - các ấn phẩm đồ họa có tính ứng dụng trong thời đại AI và tính tương tác cao
----	---------	--

6. Nội dung chương trình

ST T	Mã môn học	Tên môn học	Tỉ n chỉ	Thời gian học tập (giờ)				Ghi chú/ Môn tiên quyết
				Tổng giờ	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra	
I. Các môn học chung								
1	POLI1311	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5	
2	PCLW1201	Pháp luật	2	30	18	10	2	
3	NDED1211	Giáo dục quốc phòng	3	75	36	35	4	
4	PHED1021	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4	
5	CAPP1121	Tin học	3	75	15	58	2	
6	ENFD1224	Tiếng Anh	4	120	42	72	6	
Tổng Môn học chung			19	435	157	255	23	
II. Các môn học chuyên môn								
II.1. Môn học cơ sở								
7	ENFD1225	Tiếng Anh tiên trung cấp	4	90	45	42	3	
8	INGD1212	Nhập môn đồ hoạ	3	75	30	42		
9	SKET1212	Vẽ phác thảo	3	75	30	42		
10	CLDS1212	Màu sắc và bố cục trong thiết kế	3	75	30	42		
11	DEPR1211	Công cụ thiết kế đồ hoạ thị giác	3	75	30	42	3	
12	FDDE1021	Đồ án thiết kế sáng tạo cơ bản	2	90	0	90	0	
Tổng Môn cơ sở			18	480	165	300	15	
II.2. Môn học chuyên môn								
13	ENFD1226	Tiếng Anh trung cấp	4	90	45	42	3	
14	AIMD2221	Tin học ứng dụng chuyên ngành	4	90	45	42	3	
15	DSGN2215	Nghệ thuật chữ	3	75	30	42	3	
16	PHTO2212	Kỹ thuật nhiếp ảnh và quay phim	3	75	30	42	3	
17	VISS2212	Biên kịch video và Storyboard	3	75	30	42	3	
18	CHMO2212	Thiết kế nhân vật 3D với Blender	3	75	30	42	3	
19	DSGN2216	Thiết kế phối cảnh 3D với Blender	3	75	30	42	3	
20	MMPJ2022	Đồ án chuyên ngành	2	90	0	90	0	
21	MMIT2041	Thực tập chuyên ngành	4	180	0	180	0	
Tổng Môn học chuyên môn			29	825	240	564	21	
II.3. Môn học nâng cao								
22	ENGD2222	Tiếng Anh Đồ họa	4	120	30	87	3	
23	ADBE2117	Kỹ xảo VFX với Adobe After Effect	3	75	30	42	3	
24	CONF2212	Xây dựng ý tưởng cho phim đồ hoạ	3	75	30	42	3	
26	DMTG2213	Thiết kế chuyển động 3D với Blender	3	75	30	42	3	
27	MMCO2082	Thực tập tốt nghiệp	8	360	0	360	0	
Tổng Môn học nâng cao			21	705	120	573	12	
Tổng chương trình			87	2445	682	1692	71	

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1 Các môn học chung

Chương trình môn học chung Pháp luật, Giáo dục chính trị, Giáo dục thể chất, Tin học, Tiếng Anh do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định, được sử dụng để giảng dạy.

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh được tổ chức thực hiện, liên kết với Trường Quân sự Quân khu 7.

7.2 Các hoạt động ngoại khóa

Một năm học có 3 học kỳ. Thời gian học của mỗi học kỳ là 15 tuần bao gồm thời gian kiểm tra và thi. Giữa mỗi học kỳ có 2-3 tuần nghỉ. Thời gian nghỉ Tết là 3 tuần.

Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá, vào thời điểm thích hợp.

7.3 Hướng dẫn tổ chức kiểm tra kết thúc môn học

Căn cứ quy chế Tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp của Trường Cao đẳng Sài Gòn, thời gian tổ chức kiểm tra kết thúc môn học theo hướng dẫn cụ thể theo từng môn học và theo kế hoạch đào tạo của trường cụ thể cho từng học kỳ và từng năm học.

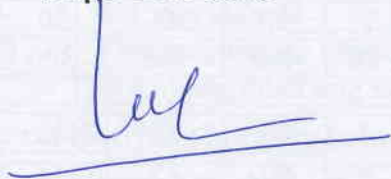
Hình thức và phương pháp kiểm tra đánh giá môn học được xác định cụ thể và có hướng dẫn trong đề cương môn học.

7.4 Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

Sinh viên học hết chương trình đào tạo theo từng ngành, nghề; tích lũy đủ số tín chỉ quy định và có điểm trung bình tích lũy từ 2.0/4.0 trở lên được công nhận tốt nghiệp.

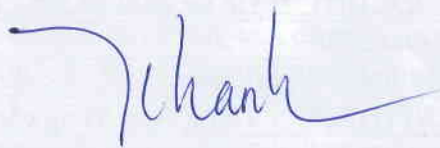
Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp theo quy định của trường.

HIỆU TRƯỞNG



Tôn Thất Tín

PHÓ TRƯỞNG KHOA



Đặng Nguyễn Diên Khánh